

Những sách của Thế Uyên

- * Những hạt cát, *truyện ngắn*
- * Mưa trong sương, *kịch*
- * Ngoài đêm, *truyện ngắn*
- * Mười ngày phép của một người lính, *đoản văn*
- * Những ý nghĩ của bọt biển, *đoản văn*
- * Nỗi chết không rời, *truyện ngắn* viết chung Duy-Lam
- * Tiền đồn, *truyện dài*
- * Nghĩ trong một xã hội tan rã, *tiểu luận*
- * Bản tình ca, *truyện ngắn*
- * Chiến tranh cách mạng, *tiểu luận*
- * Những người đã qua, *đoản văn*
- * Kỹ thuật tuyên truyền, *dịch J. M. Domenach*
- * Tình dục, *tuyển dịch quốc tế*
- * Căn nhà của mẹ, *đoản văn*

Sẽ in

- * Đoạn đường chiến binh, *đoản văn*
- * Exodus *dịch từ Leon Uris*
- * Trận Điện biên phủ, *dịch từ Jules Roy, 1968*
- * Khu vườn mùa mưa, *truyện dài*

THẾ UYÊN

(Ấp) Xuân Hòa
Lưu ý

CĂN NHÀ CỦA MẸ

TRÍ ĐĂNG

CĂN NHÀ CỦA MẸ

Tác giả : Thế Uyên

Nhà xuất bản : Trí Đăng

Saigon đầu năm 1971

từ vùng đời cỏ

Từ hai tuần nay em luôn ngỏ ý muốn lên Dalat dự lễ Noel năm nay với một vẻ phảng phất buồn, và anh thường trả lời sẽ cố gắng thu xếp chiều ý em. Anh hiểu tại sao em có vẻ buồn bã đó, bởi vì chính anh là người đã gây ra. Anh là một đàn ông không

thuộc loại chồng gương mẫu, em đã chấp nhận điều đó từ ngày em đặt bàn tay vào tay anh một buổi chiều đã lâu trong một quán khướt nhỏ. *Em đề cho anh tự do vì có như thế anh mới sung sướng được*, em đã nói với anh như thế phải không? Em đã giữ quyết định đó và cũng vì thế em đã phải khóc nhiều lần trong đêm khi nghĩ tới ở nơi xa xôi anh vui đùa truy lạc cùng những cô gái thuê. Mỗi lần trở về gặp em, em không nói gì, anh cũng không nói gì nhưng anh hiểu em buồn em khổ, và em chịu đựng nỗi buồn khổ ấy. Em yêu anh nhiều lắm, anh biết thế, nên chưa bao giờ anh nói ra, nhưng cả hai chúng ta cùng đồng ý nếu anh tự do tùy nhu cầu sinh lý tìm gái hư hỏng gái thuê nhưng; anh sẽ không lao đầu vào tình duyên với những cô gái con nhà... Thỏa hiệp này anh đã giữ từ ngày đính hôn, nhưng ba tuần trước trong một lần đi công tác xa, anh đã ôm hôn một người con gái khác. Khi biết chuyện em khóc một buổi chiều, một buổi tối rồi em coi như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng anh, anh không quên được đáng điệu em ngồi bất động trên ghế, những giọt nước

mắt lăn theo má, bám vào mái tóc trước khi rơi xuống vào trong bụi đất. Bởi thế anh đã cố gắng thu xếp chiều ý em, nhưng mang thân phận người linh, anh đâu còn tự do xử dụng thời gian của anh, anh phải xin phép nghĩ, và anh đã không xin được phép...

Khi nói với em như vậy, em im lặng nghe anh dự tính tổ chức Noel cho hai đứa tại Saigon, dù cả hai đứa không có ai theo đạo của đấng Ki-tô — nhưng điều đó nào quan hệ gì phải không em: chúng ta đã nhân một ngày lễ ấy mà bắt đầu yêu nhau thì đấng Thích Ca cũng hẳn đã mỉm cười thêm một lần nữa khoan dung cho một tục lụy và đấng Ki-tô cũng hẳn không phạt lòng khi nhìn thấy một tình yêu diễn ra dưới chân thập tự...

Em im lặng nghe anh dự tính đi chơi đầu đến khuya, dự lễ nửa đêm ở nhà thờ nào mua rượu vang gì để uống cùng nhau cho tới sáng — một thứ trò chơi của hai đứa bày đặt với ngoài khu vườn ấu thơ trong khi người lớn nghiêm trang thờ kính trong nhà chính một đấng thần linh nào đó chúng không hiểu và e sợ. Em im lặng hoài cho tới khi anh bỏ

ngỡ ngừng nói nhìn em dò hỏi. Em nói : «Nếu anh không xin được nghỉ phép, anh cho em đi cùng chú Di lên Dalat vậy...» Dĩ nhiên anh không thể cho em đi như vậy, và hai chúng ta sau đó cũng không nhắc tới vấn đề này nữa. Nhưng về mặt nhiều khi phảng phất buồn và câu nói đó của em ám ảnh anh hoài, nhất là hình ảnh những giọt nước mắt lăn trên mái tóc em.

Anh suy nghĩ và đêm nay anh hiểu rằng khi em nghĩ ý muốn đi Đà-lạt, em đã cho rằng tình yêu của anh giành cho em không còn nữa, hay ít nhất cũng không còn như lòng em mong mỏi. Em muốn lên Đà-lạt không có anh để làm gì, anh có thể đoán biết được. Buổi chiều, em sẽ đi ngược dốc đồi lên địa phận nhà thờ Đức Mẹ để nhớ lại buổi hoàng hôn đã lâu, anh cầm tay đưa em về căn nhà nằm chênh vênh trên sườn đồi nhìn xuống thung lũng thoải thoải cỏ bạc úa, và em đã hát nho nhỏ cho anh nghe trong khoảng không gian mờ trắng, nơi những vì sao như còn xao động như chưa tìm thấy vị trí trong đêm trên bầu trời. Buổi tối em sẽ tới phía sau nhà thờ, ngồi trên bức thềm, nơi lần đầu tiên em

hôn anh và anh gác đầu vào lòng em thay cho lời bộc lộ tình yêu. Em sẽ đến ngồi đó trong bóng tối, nơi đó bao giờ cũng vắng, nước mắt em sẽ từ gò má bám vào những sợi tóc trước khi rơi khuất vào đám rêu trên gạch. Em sẽ ngồi đó, em sẽ khóc cho tới khi hồi chuông lễ nửa đêm chấm dứt, nước mắt đọng khoé mắt làm nhòe các vì sao trên cao để em trả lại những vì sao vỡ vụn tình yêu đã mất. Có phải em sẽ như vậy phải không em? Bên kia trang giấy, em đang nằm ôm gối ngủ. Anh biết nếu anh ngừng viết trở vào giường lấy lại gối, em sẽ âm ừ phản đối như một cô bé bị lôi mất con bú-bè ban đêm. Sau đó em sẽ tỉnh, mở mắt nhìn rồi ôm lấy anh, và dù em vòng tay ôm ngay, anh cũng sẽ vẫn đủ thì giờ nhìn thấy ánh mắt buồn như muốn khóc.

Đêm nay, dù còn hai tuần nữa mới tới Noel, dù là đêm của Saigon, không khí hình như trở lạnh. Lạnh thực sự lạnh tại vì anh đang buồn cho nỗi buồn của em, anh không hiểu rõ. Nhưng anh biết rõ một điều, biết một cách chắc chắn là em đã lầm khi tưởng rằng tình yêu anh đã tàn úa. Trong những khoảng thời gian sống xa em, anh đã có nhiều

thì giờ để nghĩ về tình về tình yêu, về em. Anh đã nhiều lần đối diện với cái chết để tìm kiếm trong cả cuộc đời lớn rộng ngoài kia lẫn cả cuộc đời nhỏ bé của anh để sau cùng nhận ra rằng chẳng có gì đáng kể hơn tình yêu và chẳng còn gì đáng lưu luyến hơn người anh yêu. Nếu bây giờ em thức giấc ra ngồi tựa đầu vào vai anh ngái ngủ xem anh viết như nhiều lần em đã làm, chắc anh sẽ bỏ bút xuống, châm một điếu thuốc, và nói cho em nghe anh yêu em ra sao. Anh sẽ không nói những ngôn từ thông dụng như : anh yêu em rất nhiều, vô cùng hay mãi mãi... Anh chỉ hỏi em còn nhớ những Noel chúng ta đã cùng biết cùng sống và cùng qua từ ngày biết nhau không. Anh sẽ hỏi em : Em còn nhớ Noel đầu tiên — chúng ta chỉ biết có lễ Noel từ khi yêu nhau, em còn là một nữ sinh mới bước vào ngưỡng cửa đại học, tóc còn uốn cup vào vai kiểu đứa bé gái Nhật-bản, đầu buộc băng-đô hồng, người run lên trên thềm gạch dù buổi trưa cao nguyên không lạnh, dù mắt em vẫn mở lớn nhìn anh lại gần. Em còn nhớ con đường dốc dẫn tới nhà thờ, con đường hai bên có hoa anh đào, con đường

anh vòng tay đưa em đi, con đường em lo âu sợ hãi, con đường anh nghe em thì thảo năn nỉ ; đừng hôn em đêm nay, em sợ !.. Em có nhớ Noel thứ hai hai đứa đã đính hôn nhưng ba mẹ em vẫn không chịu cho anh đưa em đi chơi ban đêm vì nghe tiếng anh là kẻ bê bối nhất trường Đại Học Văn Khoa. Anh đã phải nhờ người yêu của anh Lam giả làm bạn tới mời em tới dự lễ với bạn bè mới đưa được em ra khỏi nhà, đặt vào vòng tay anh đầy hồi hộp chờ đầu ngõ tối. Năm đó Saigon không lạnh nhưng anh vẫn mặc đồ lớn, thứ quần áo anh rất ghét, chỉ vì em đã nói em sẽ trang điểm như đi dự dạ hội, dù dạ hội chỉ có hai người dự lễ. Anh nhớ em mặc áo dài có những vùng tím nhạt và em để tóc cao cài bằng một vòng vương miện nhỏ lấp lánh dưới ánh đèn. Ba giờ sáng, hai đứa còn đứng nhìn những đèn ngôi sao chạy cao dần lên tháp chuông, đợi công trường vắng người, chiếc bụi hành lễ bỏ hoang dưới ánh sáng mờ. Về gần tới nhà em, anh ngừng xe ở con đường nhỏ. Anh không muốn xa em ngay, không thể xa em ngay nên hai đứa đã ôm nhau đi vào con con đường vắng ấy. Anh cúi xuống hôn em

nhiều lần, rất nhiều lần, nhưng bao nhiêu lần vẫn còn là chưa đủ để đến nỗi sau cùng chúng ta để mặc môi trên nhau. Em còn nhớ *con đường dài nhất* đó không, con đường sau này mỗi khi muốn trên em, anh thường đưa em tới cho em đỏ mặt... Noel thứ ba hai đứa không đi lễ khuya vì em đợi sinh chú Di, anh ngồi hút thuốc vuốt mái tóc em trên đầu đầy lo âu vì bác sĩ cho biết em sinh khó và anh sợ em chết. Anh không bao giờ kể lại buổi đêm anh ngồi dưới phòng khách nhà thương, tâm hồn anh tê dại đi vì sợ cái chết sẽ cướp mất em của anh mãi mãi. Anh cũng chưa bao giờ kể em nghe nỗi giá lạnh bao bọc anh như thế nào khi vị bác sĩ thứ hai đã tới lâu rồi, vẫn chưa nghe thấy tiếng trẻ khóc. Anh chưa bao giờ kể những điều đó để em hết ngạc nhiên tại sao lúc được phép vào phòng, anh không buồn ngó đứa bé sơ sinh, vội vã tới bên em và cúi xuống hôn cho tới khi em gần ngạt thở. Sau đó, chiến tranh ủa tới, guồng máy quay đều lời anh vào trong, Noel thứ tư của chúng ta đã bắt đầu có hình bóng cái chết lần khuất. Chín giờ tối, đơn vị anh phục kích trong bờ bụi

ruộng khô, anh lên con sọt rết nằm trên áo mưa trải trên cỏ lảng nghe tiếng chuông nhà thờ kể cận gọi con chiên. Năm giờ sáng, anh được về phép, leo qua cổng vào căn phòng có chiếc giường nữ sinh bé xiu, và em giờ hai cánh tay đầy hương ẩm nồng lên chào đón. Noel thứ năm không xa đây lắm, từ vùng đồi cỏ, anh lái chiếc xe bé bết bùn về thị trấn, hút thuốc chờ xe Saigon. Một chiếc lên, chiếc thứ hai đã tới, vẫn không thấy em đâu. Cao nguyên về chiều và người yêu không tới. Anh lái xe trở về ngọn đồi cỏ cháy đen. Chiếc xe lô thứ ba đổ xuống dốc và có em ngồi sát cửa, mái tóc dài rối tung trước gió. Bữa cơm tối anh không ăn được, món gì cũng vô vị như nhau vì tâm hồn anh, anh đã để trong bàn tay người yêu trước mặt, anh mua một con gà quay, một chai vang, nhiều thứ khác nữa đầy một giỏ, chúng ta trở về căn nhà gỗ anh thuê ngoài thị trấn, căn nhà đương làm dở, vách chưa đóng xong, bụi đỏ liên tiếp phủ những lớp mỏng trên mái tóc em. Mùa đông cao nguyên lạnh vô cùng, em còn nhớ chứ. Chúng ta rét run nhưng vẫn cố đứng nghe ông cha nói về Hòa bình và An lành của

đêm Chúa ra đời gần hai ngàn năm về trước. Anh mở rượu và chúng ta uống trong ánh nến, không cần nhạc vì có tiếng gió lớn bên ngoài, không cần hoa giấy tung vì bụi lọt qua các khe hở, từng đợt phủ lên tóc em, tóc anh, phủ lên tất cả. Anh không nhớ hết rượu lúc mấy giờ nhưng khi nằm ôm em trên giường nhìn qua khoảng vách trống, các vì sao đã thôi sáng và khi hoà thân thể trong nhau, hình như anh có nghe tiếng chuông chùa sớm ở một nơi nào đó. Tiếng chuông nơi xa tới hay tiếng gió thổi qua mái tôn, em yêu...

Hình như em vừa thức tỉnh, không phải, em chỉ xoay người rồi ngủ tiếp. Anh lại gần giường, hình như em vẫn còn vẻ buồn phảng phất ấy. Thôi em, đừng buồn nữa. Làm sao anh có thể hết yêu em khi chúng ta đã cùng chung sống, đau buồn, lo lắng, cười vui trong một khoảng thời gian dài như thế. Thôi đừng buồn nữa, em yêu. Một Noel nữa sắp tới, và ai có thể biết Noel sang năm sẽ ra sao. Có thể anh sẽ phải nằm trong rừng, tiếng côn trùng thay tiếng chuông, ánh đạn loé ở nông súng thay ánh sáng đèn ngôi sao, và nước trong bi-đông thay cho rượu vang từ phương

tây tới. Có thể anh sẽ dắt tay em đi trên con đường hai bên có hoa anh đào nở, tới nhà thờ trên cao dự lễ trong tiếng chuông thanh bình, nhưng cũng có thể Giáng sinh năm tới anh đã nằm im lặng dưới đất, và em một mình ngồi khóc trong tiếng chuông đổ, khóc cho đến khi nước mắt làm tan vỡ hình ảnh những vì sao trên cao. Em đã hết buồn chưa, em... Anh sắp ngừng viết tới ngồi bên cạnh em, cúi nhìn em thật lâu cho tới khi em tỉnh giấc, ngái ngủ giờ hai tay ôm đôn. Trong không gian im lặng của đêm giới nghiêm. Anh sẽ bàn cùng em Noel năm nay mua rượu gì, tới uống cà phê giờ hành lễ ở quán nào, và khi công trường đã vắng người, hai đứa sẽ trở về, cửa căn phòng đóng lại ngăn thế giới rộng lớn u ám bên ngoài. Những ngọn nến sẽ thấp lên cho anh nhìn rượu óng, ánh mắt, nụ cười cùng màu. Và khi ngoài cửa sò các vì sao đã thôi sáng, cuộc chiến tranh bi thảm đã chìm sâu trong rượu của ốc đảo hai đứa chúng ta, anh sẽ cúi xuống hôn em, thật lâu, cho tới khi anh không còn nhận biết được điều gì khác ngoài tình yêu và em, người yêu của anh trong cuộc đời này.

căn nhà của mẹ

Mỗi người đều cần có một quê hương để trở về vào tuổi già hay vào những thời kỳ mệt mỏi hay chán nản trong đời. Bởi thế, ai mất quê hương thực sự của mình, đều phải tạo ra quê hương mới bằng cách này hay bằng cách khác.

Rời miền Bắc sau 1954, mang lũ chúng
tôi vào nam, bố mẹ tôi đã từ bỏ nhiều thứ
trong đó có quê nội và quê ngoại, một quá
khứ khá dài những vui buồn, và căn nhà đã
tạo dựng bằng công khó của hai người, nhất

là bằng dấu vết những bàn chân nhỏ cùng các tiếng khóc tiếng cười của đứa bé đã sinh ra và lớn lên trong đó. Tết năm ấy, tết thahương đầu tiên, bố mẹ tôi không hề buồn bởi vì hai người chưa già và trừ người con lớn còn ở trong quân ngũ nơi xa, gia đình tôi sum họp đầy đủ trong căn nhà cũ kỹ tôi tàn không điện không nước của khu Bàn Cờ. Tết năm ấy, năm của hòa bình, hầu hết những người dân hai miền còn đầy hi vọng ở tương lai.

Rồi ngày tháng theo nhau qua. Niềm hi vọng ở tương lai của mọi người có còn nguyên vẹn như thế không, tôi không biết. Tôi chỉ biết vào một ngày cuối năm, thứ hi vọng ở tương lai của gia đình khiếm tốn của tôi đã suy giảm nhiều. Lý do thật giản dị: bố tôi, cột trụ của gia đình, đã thấm mệt, đã chịu thua cuộc đời, đi vào tuổi già. Ông đã cam chịu làm một công chức nhỏ cho một cơ quan thuộc binh chủng lo làm nhà xây cầu cho quân đội. Ông thôi không còn nói tới lo xin ra báo, mở nhà in, tái lập một thời kỳ huy hoàng của ông trong những năm còn trẻ nữa. Trong một đêm khuya đi chơi về bất gặp ông còn thức soạn chồng giấy tờ cũ — những tấm

thiệp mời ông dự buổi lễ này tiệc rượu nợ của cả một thời kỳ đã qua — dưới ánh đèn dầu lù mù và trong tiếng xe chạy ào ào trên con lộ lớn trước nhà, tôi đột nhiên cảm thấy từ thâm tâm một cái gì thúc đẩy tôi ngồi xuống đấy với ông, nói gì chưa biết, nhưng phải ngồi .. Hình như đây là lần đầu tiên tôi lờ mờ ý thức được thế nào là cô đơn của một người thất bại về già bó gối chịu thua. Trong căn nhà tồi tàn này, vợ con đầy đủ có, năm ngũ yên chung quanh, nhưng có những nỗi cô đơn tư bản nhất đã là không sao chia xẻ nổi...

Tôi đã tới ngồi chiếc ghế bên này chiếc bàn mộc, vợ vẫn đọc những tấm thiệp cũ xưa ấy, nghe người già ngồi bên kia nói về cuộc đời, về tuổi trẻ, về những ước vọng vâng bóng một thời. Ông nói ông đã làm thất vọng nhiều người, trong đó có mẹ tôi, con gái duy nhất của một gia đình nhiều danh tiếng về văn học cũng như về đấu tranh cách mạng. Ông đã quá rong chơi, quá phung phí tuổi trẻ, để rồi tới lúc này không còn gì. Không một danh tiếng, cũng không cả gia sản. Và vì dù sao cũng là kẻ cuối cùng của một giòng kẻ sĩ lâu đời, ông đã vừa phải khước từ một

đề nghị chỉnh trị nhiều bá đạo nhưng cũng nhiều quyền lợi của chính quyền đương thời... Như vậy ông chỉ còn một đời sống khiêm tốn để sống, cuộc đời của một công chức già và một căn nhà nhỏ mới được cơ quan cấp phát cho trong một cư xá hỗn hợp, căn nhà ông hẹn tôi mai sớm tới sở kiểm ông đề cùng sang nhận. Trong khuya, không biết là vào giờ nào của đêm, ông trầm giọng: «... sau này, bố chỉ ao ước các con làm được cho bố một căn nhà tranh ba gian hai trái trên nền đất nện, trước nhà đào một ao nhỏ có cầu ao dẫn xuống mặt nước nuôi bèo để không vớt cho xanh um ở ven đô nào cũng được.»

Tính ông chuyên đoán nên bố con ít khi nói chuyện nhiều, chưa kể có thời kỳ tôi còn ghét ông vì bị bắt phải làm những điều ông muốn và tôi không ưa. Nhưng đêm nay, lần đầu tiên từ khi lớn lên, tôi hiểu bố được một phần nào. Một thoáng nghẹn ngào lẫn khuất với tình thương mến. Tôi cất tiếng nói, nói rất nhiều. Bây giờ đến lượt ông ngồi nghe tôi nói về những ước vọng của tôi — những ước vọng dĩ nhiên thật cao xa của một thanh niên mới lớn —.

Chẳng biết ông có tin các lời đao to búa lớn ấy của tôi không, nhưng ít nhất buổi nói chuyện trong đêm cũng làm hai bố con dễ chịu với nhau hơn khi cùng đến nhận căn nhà nằm đầu dãy của một khu nhà dành cho binh sĩ và nhân viên quân chính. Căn nhà nhìn ra bãi cỏ hoang đầy vòng kẽm gai củ rỉ, sát vách bên là một đồng khối bê-tông lớn xếp hỗn độn do đạo quân viễn chinh Pháp bỏ lại, căn nhà vào mùa mưa thì nước ngập và mùa nắng thì mái tôn hừng hực chói chang.

Gia đình tôi dọn tới ở căn nhà ấy và ở thật lâu. Mẹ tôi vốn có tài thích ứng về mọi sự và nhất là về nhà cửa ruộng vườn. Bãi cỏ hoang, mẹ tôi phát cỏ, cuốc đất lên làm thành vườn. Mẹ tôi trồng nhiều cây trứng cá vì chúng «...vừa chóng có bóng mát vừa chóng có trái cho chúng mày chọc ăn». Mẹ tôi đục thêm cửa sổ hông và khi bọn tôi kêu lên khôì hải là nhìn qua đó thấy đồng đá non bộ (các khối bê-tông ấy) đẹp như thế mà thiếu hàng trúc thưa, bà đi trồng hai dãy mía vì «...đốt mía đẹp kèm gi trúc mà lại ăn được». Cứ với quan niệm dung hòa mỹ thuật với

thực phẩm ấy, khu vườn nhà tôi dĩ nhiên không thể thiếu vài luống sắn thân và lá thật đẹp mỗi khi trời xanh cao và nhiều nắng. Trong căn nhà nhỏ, và trong khu vườn vừa đẹp vừa ngon do mẹ tôi tạo dựng ấy, chúng tôi đã sống những ngày thật vui và nhiều hạnh phúc. Anh Lam tôi đã đưa chị dâu tôi về ngồi dưới bóng mát của các cây trỉng cá nở đầy hoa trắng, đêm trăng trông như có sương đọng. Tôi đã từng đưa người yêu của tôi, người sẽ theo gót chị Lam về làm dâu thứ trong căn nhà này, đi giữa hai luống sắn, ven rặng mía dưới vòm hoa ti-gôn. Tôi đã từng bắc thang đưa nàng lên mái nhà, nơi đứa em trai đã sửa cây xếp cảnh thành một vùng nho nhỏ như tổ chim — một chỗ để hôn nhau. Rồi đứa em gái kế đã hôn người yêu ngoài bờ cỏ sau bụi tre, đã khóc đã cười và đã đi lấy chồng cũng từ trong căn nhà của bố và khu vườn của mẹ...

Những năm tháng vui tươi rồi cũng qua đi, chiến tranh đã bộc phát dữ dội làm phân tán lũ con và gửi những sợi tóc đốm bạc lên mái tóc bố tôi. Từ lâu rồi, ông suy yếu nhanh vì bệnh lao. Đêm Trung thu chót, khi

chúng tôi treo đèn xếp đầy vườn, trên ngọn cây sắn ẻo lả, trên cành cây, trong lùm tre và bày cỗ ăn bánh nướng trà vui vẻ ngoài vườn, ông chỉ còn đủ sức ngồi thu người trên ghế, vừa hút thuốc vừa ho nhìn ra. Bởi thế, khi bước chân vào quân trường, tôi đã nghĩ không hiên rằng khi chết, ông liệu có được bao đứa con bên giường.

Và tin ông chết trong bệnh viện Cộng-hòa chết một mình, đến với tôi khi vừa tập trận ở một bãi xa về. Trong khi chờ đợi giấy phép hạn chế đang chạy tứ tung xin hộ, tôi ngồi ở một bệ xi-măng ven võ dinh trường, nhớ tới ông trong những ngày gặp chót — gặp thật gần vì thời hạn đi phép đã chẳng dài bao nhiêu, tôi lại dành hầu hết cho Thi và cho tôi. Lần phép chót, khi tôi mặc xong quân phục, cầm mũ đi ra, ông đã gọi giật lại, ngập ngừng hỏi tôi còn tiền hay không. Tôi mở ví ra còn hơn ba trăm, chia cho bố một nửa... Nước mắt tôi rớt trên cát vỡ các hình ngôi sao nâu, nhưng tôi không kim giữ vì biết rằng tối nay, vì ở gần Saigon nhất, tôi sẽ là đứa con độc nhất về kịp với mẹ. Trong căn nhà, trong khu vườn, tôi cần trấn tĩnh.

Còn ở đây, võ đình trường trải dài vắng ngắt trong rặng chiều... Tôi chỉ khóc ông một lần nữa sau khi mộ đã đắp, ông đã yên nghỉ trong một nghĩa trang xa lạ, yên nghỉ vĩnh viễn trước khi tôi thực hiện nỗi giấc mơ nhỏ của ông trong tuổi già, là làm một căn nhà tranh ba gian hai trái trên nền đất nện, trước nhà có một ao nhỏ thả bèo cho xanh..

Ông chết đi, sau khi tiền tử tuất đã trả, cơ quan đòi lại căn nhà đã cấp phát từ bao năm. Mẹ tôi có báo cho tôi biết, nhưng thân làm lính trấn thủ lưu đồn, tôi làm gì được. Chẳng lẽ để các con nhỏ đi ở nhờ bà con họ hàng, mẹ tôi tới cơ quan cầu xin. Chồng chết không gia sản, các con trai đã đi lính hết mỗi đứa một sư đoàn xa... Thế rồi mẹ tôi được cơ quan chấp thuận cho tạm trú ở khoảng đất ngay sát nhà. Còn căn nhà, vẫn phải trả.

Mất căn nhà nhưng còn được khu vườn mẹ tôi đi vay tiền, xin vật liệu về chất đống, nhưng chưa khởi công vì còn đợi tôi về «cất nóc» hay «thượng lương» chi đó. Tôi kỳ về phép, ngồi giữa đống gỗ ngồn ngang, tôi uống trà với mẹ trong khu vườn mà sốt

ruột chỉ muốn đi — vì Thi ngồi ngay bên, trong vòng tay và bây giờ hai đứa tôi không cần «một chỗ để hôn» nữa, mà cần tìm một chỗ để yêu nhau. Xong tuần trà, mẹ tôi gọi tôi ra khỏi công làm nhà. Tôi nhún nhó vì sợ mất nhiều thì giờ, nhưng thực ra không có gì: tôi nâng một cái sà gổ đầu tiên cho mẹ tôi đóng. Thế là xong lễ cất nóc cho một ngôi nhà.

Nhưng căn nhà của mẹ tôi hẳn phải không giống như mọi người. Thiếu gỗ mẹ chỉ làm có ba vách, vách thứ tư là tường căn nhà cũ. Dù chỉ ba vách cũng vẫn thiếu gỗ nên cả mặt tiền chỉ làm gỗ phân nửa dưới còn nửa trên đóng lười, trong làm màn ngoài treo màn tre. Căn nhà trống trải đến nỗi mỗi khi có gió lớn thổi, lá khô theo các khe hở rơi lả tả đầy nhà và khi mưa lớn thì đúng là cơn gió bốn bề. Một căn nhà «gần» thiên nhiên đến mức tối đa, chim làm tổ trên đình màn và đêm khuya dễ kêu ri rĩ dưới gầm giường. Nhưng quả là một căn nhà kiểu liêu trai cho một hàn sĩ trẻ và tôi đã nhiều lần mời bạn văn đến uống rượu nhân dịp xuất bản những tác phẩm đầu tiên trong nơi

này, trong căn nhà của mẹ và khu vườn của mẹ.

Rồi thời gian qua nữa. Sau khi phiên bạt nhiều đơn vị của ba vùng chiến thuật, tôi mới được đổi về Saigon. Khi ấy cấp chỉ huy binh chủng sở hữu khu nhà quyết định dùng khoảng đất trong có khu vườn của mẹ dự trù làm bãi hơi hay sân quần vợt chi đó và xe ủi đất cơ hữu đơn vị đã tới san bằng. Khi tôi về, cứ như Từ Thức về trần, khu vườn đã biến mất không còn dấu vết. Mẹ tôi chỉ nói là đã hết sức năn nỉ mấy người lính mới, giữ được một cây trứng cá duy nhất bây giờ đã gần như cổ thụ mọc sát vách nhà. Tôi thoáng buồn rầu khi hiểu tại sao mẹ tôi không tới năn nỉ xin các cấp chỉ huy khu đó, mà chỉ đi nói với mấy người lính lái xe. Và tôi không đủ can đảm đề hỏi mẹ tôi khi năn nỉ, liệu có nói các con bà đều là lính như họ, ủi thì ủi, chớ ủi nhà mẹ già em nhỏ của chúng bay không...

Một thời gian sau mẹ tôi theo hai đứa em gái sau chót lên Đà-lạt và tôi cùng gia đình riêng mới tạo dựng, dọn về nhà mẹ ở. Trước khi đi, mẹ dặn coi chừng là có tin

đồn sập có lệnh dỡ nhà trả đất vì cấp chỉ huy binh chủng định biến khu này thành cư xá sĩ quan. Mẹ chẳng dân thì tôi cũng coi chừng. Làm sao nở để mất căn nhà của mẹ, căn nhà của cả một thời kỳ, căn nhà duy nhất bọn tôi có được kể từ khi xa miền Bắc.

Rồi lệnh dỡ nhà đến thật. Tôi làm đơn xin, viện lễ thượng cấp đã định cấp phát lại khu này cho sĩ quan thì dù có là dân bộ binh chân lấm tay bùn tôi cũng là sĩ quan xin được lưu cư ở khoảng đất nhỏ bé. Đất là đất chung của quân đội và huynh đệ chi binh... Nhưng một buổi sáng đẹp trời, một văn thư gửi tới cho biết phải dỡ nhà đi, và «vi tình nhân đạo, cho đương sự một thời hạn ba tháng để thi hành lệnh này». Tôi chưa chịu thua, xin đủ giấy tờ chứng tỏ là nhà có ba lính, thì lính anh lính em và lính tôi đều không có nhà, dù là nhà mình mua hay cấp phát. Tôi đã đến yêu cầu đập cửa các quan to sừng ngắn, mỗi gối qui mồn các sân tượng phủ, viện đủ các lý lẽ, kể cả chế độ miền nam nói chung cũng nên có một công bằng tối thiểu: bố chết nghèo, bắt tất cả con trai đi lính, lính thứ thật và lính phuc

vụ thanh liêm tiền đâu mà mua nhà cho mẹ. xin hãy cho mẹ già chúng một khoảng đất tá túc.

Nhưng tôi đã thất bại, hoàn toàn thất bại. Lệnh dỡ nhà trục xuất khỏi cư xá được giữ nguyên và không gia hạn thêm lấy một ngày. Còn kèm thêm khẩu lệnh phụ là tới ngày không đi sẽ cho xe bulldozer tới ủi tắt và cho An ninh tới bắt. Tôi đành gọi người vào dỡ nhà bán vật liệu — vật liệu còn bao nhiêu giá trị sau bao mùa mưa mùa nắng và nước ngập. Bán được năm ngàn đồng, gửi lên cho mẹ, mẹ lại cho trở lại để « các con lấy tiền mà dọn nhà ». Thế rồi đến ngày chót, lại một ngày đẹp trời nữa, tôi dọn nhà. Khi buổi sáng trở dậy, mặc bộ đồ trận vào, tôi thấy hơi buồn bã và chua xót. Biết bao giọt mồ hôi khổ cực của tôi, của anh em tôi đã đổ ra thấm vào những bộ quần áo như thế này, để rồi rút cục xia một khoảng đất cho mẹ có nhà ở mà còn không xong.

Rút kinh nghiệm, từ giờ bọn tôi lo kiếm đất trước đã trước khi nghĩ đến chuyện làm nhà khác cho mẹ. Do một tình cờ, anh Lam tôi quen với tỉnh trưởng vùng Đà-lạt. Anh

liền nói với người bạn ấy cấp cho mẹ tôi một mảnh đất — trên vùng ấy, núi đồi thiếu gì. Lời yêu cầu ấy được thỏa mãn, các con của mẹ tôi đã có dịp chế bà là « tân địa chủ » và tôi đã có cơ hội để ước mơ là khi nào chiến tranh chấm dứt, các con trai buồng súng trở về cầm cưa vác búa vào rừng lấy gỗ về mà làm cho mẹ tôi, lúc đó chắc tóc đã bạc như sương, một căn nhà nhỏ ven một đồi thông nhiều gió lộng.

Trong khi chờ đợi « căn nhà viễn mơ » của mấy ông anh bao năm chỉ biết tranh đấu tới tranh đấu lui nghèo mặt rệp ra không đi đến đâu — lời mấy đứa em gái tôi — thì chúng ra sức làm việc để dành tiền mua nhà, một căn nhà nhỏ thôi, tôi mấy cũng được, miễn là có đất rộng một chút, để rồi « mẹ gõ cho nó mấy cái là thành nhà ở được, cuộc cho nó mấy nhát là thành vườn vừa ăn được vừa ngắm được ». Mà chúng làm việc thực. Tôi và Thi lên chơi, coi chúng đi làm mà chóng mặt. Quả thực là đầu tắt mặt tối. Nhưng rồi một đứa em gái cùng chồng đã dành dụm được tiền mua một căn nhà gỗ tôi ở đầu một thung lũng nghèo. Và mẹ tôi đã vác búa vác

cuộc ra, các con cháu xúm lại, đến khi tôi lên lần nữa, căn nhà đó đã sửa xong, xinh xắn, và ngoài vườn theo đúng truyền thống của mẹ tôi, cây su-su leo hiên ngang lên cành mận, phong lan treo dưới dàn bí, rau thơm xen kẽ với cúc vàng, riềng và gừng cạnh đây thược dược...

Các con trai không có nhà thì nhà con gái con rể cũng là đẹp rồi. Con nào chẳng là con. Tôi tưởng thế là mẹ kể như có nhà. Nhưng tôi lầm. Trước tết năm nay một bà mợ của trong họ chết. Khi biết rõ tin tức mẹ tôi nói : « Mợ ấy chết sau khi con cái đã thành đạt cả cũng sướng. Nhưng chết ở nhà con rể thì cũng chưa được gọi là hoàn toàn ». Mẹ tôi chỉ nói thế thôi, nhưng tôi và Thi hai đứa đưa mắt nhìn nhau im lặng. Lại phải tính đến chuyện chung sức các con làm nhà cho mẹ thôi.

Tôi liền hỏi khoảng đất ngày trước mẹ được cấp phát hiện giờ ra sao... và được mẹ cho biết một vị tỉnh trưởng sau đã nhân danh một công bằng xã hội nào đó đã thu hồi lại rồi. Tôi và Thi lại im lặng nhìn nhau vì trong mấy ngày rong chơi lang thang thành phố miền núi này, hai đứa đã thấy biết bao nhà cửa

chiếm đất công xây cất bừa bãi..

Thế là đến cuối năm nay, khi cả gia đình chuẩn bị ồn ào đón xuân cùng thên hạ, thì mẹ tôi rút cục đất cũng không mà nhà cũng không. Và buổi sáng mồng một tết, nhìn mẹ tôi đứng dưới tam quan chùa Linh phong lộng gió từ dưới các thung lũng lên, tôi chợt nhận ra mái tóc mẹ tôi đã gần như bạc trắng hết dưới ánh nắng đầu xuân, bạc đã gần như sương.

viết cho vu-lan, 1970

vùng đất lá

Về cuối mùa thu và những ngày đầu của mùa đông, lá khô hàng trăm cây vải vàng úa rụng xuống, che lấp cỏ úa trong những khu vườn của làng Bằng nằm bên này một con sông lòng thật sâu bờ đắp cao hai bên. Phía bên kia là làng Quang, có con đường trải đá

dẫn về Hà nội dọc theo những hàng rào cây găng. Đó là vùng quê nội của tôi, hay nói cho chính xác hơn, đó là nơi bà nội tôi tới lập nghiệp sau khi phải rời nơi sinh trưởng đích thực. Một vùng quê đẹp trong đơn giản và chất phát, như hệt hình ảnh người bà khi xuất hiện lần đầu trong gia đình chúng tôi.

Đó là một người đàn bà già chít khăn trắng, da mặt nhăn râm nâu vì nắng, mặc áo tứ thân đôi vạt, chít khăn lưng màu thiên lý, không ngồi trên ghế phòng khách mà ngồi xếp bằng trên chiếc di-văng, vừa chùi nước mắt vừa nói chuyện với thầy mẹ tôi và gọi thầy tôi bằng « anh ». Ông mới chết ngày hôm trước đó và bây giờ bà đang cố gắng thuyết phục thầy tôi ngày mai trở về chịu tang và đưa đám. Bà vừa xụt xịt vừa gọi từng đứa cháu lại gần coi mặt mũi và hỏi tên — tôi trở mắt lên mà nhìn « người bà » lần đầu tiên gặp gỡ. Tôi chỉ quen thuộc với bà, bà ngoại, và cứ yên trí mọi đứa trẻ khác cũng chỉ có một bà như tôi. Mãi về sau này tôi mới hiểu được ý nghĩa của buổi gặp gỡ ngày hôm ấy cùng thăm kịch đã xảy ra trong một quá khứ xa. Quê nội của chúng tôi thực ra không phải là vùng

làng Bằng đầy cây vải ấy mà ở vùng Vân-đình gần chùa Hương. Ông nội thực của tôi chỉ sinh ra được mỗi một mình thầy tôi là con, kẻ cuối cùng của một giống họ cổ cự. Ông chết sớm mà bà còn trẻ. Tất cả áp lực và truyền thống cổ xưa đều đã được sử dụng để giữ bà tôi thủ tiết nuôi con, đưa cháu đích tôn duy nhất. Nhưng y như trong truyện « Lạnh lùng » của Nhất-Linh, bà tôi đã thương yêu một người khác, và cũng khác với kết cục của Nhất-linh, nàng Nhung lần này đã ra đi chứ không trở về với căn nhà thờ tổ có bức hoành phi « tiết hạnh khả phong ». Thảm kịch này đã xảy ra trong thời gian vài năm sau đó, tôi không bao giờ biết được. Thầy tôi đã theo mẹ đến vùng làng Bằng đó có vài năm rồi ông một hôm bỏ đi luôn ra Hà-nội sống lang thang một mình, và lấy vợ cũng không chịu đem về chào. Bỏn phận làm dâu trưởng của mẹ tôi còn có phần thiếu xót như thế nên bà đã can thiệp vào buổi hội kiến khá nhiều nước mắt và xằng giọng đó. Hậu quả ngày hôm sau, từ sáng sớm, mấy đứa tôi được theo hai người về đưa đám người chồng thứ hai của bà tôi, và cũng dễ cho chúng tôi có thêm một người

bà và một què hương thứ hai.

Từ đó tương quan giữa bà và gia đình chúng tôi mật thiết hơn, một năm bà ra thăm vài lần hoặc cho một cháu gái gánh quà ra cho. Đối với mấy đứa tôi, mỗi lần như thế đều thần tiên. Quà của bà nội là nhất, nhiều vô kể, đầy hai thùng. Chúng tôi sà vào lục tung, lôi ra đủ thứ, từ ổi nhãn vải mít, đến các thứ bánh trái xứ quê. Bà không bao giờ cho cái gì ít cả. Đã vào mùa ổi, cho đúng một thùng ổi, mùa nhãn thùng nhãn, mít thì hai trái bự, bánh rong cả trăm với một hũ mật đặc. Mật dù tất cả những la mắng đe dọa của thầy và mẹ : ăn nhiều ổi đi táo, ăn nhiều vải sưng mụn trên đầu, ăn nhiều bánh với mật đau bụng.., mấy đứa bọn tôi ăn như thường, bỏ cơm luôn. Các quà của bà nội thật khác xa quà bà ngoại khác như hai bà có thể khác nhau : một bên sang trọng quyền quý hách dịch với những món quà tế nhị, xa lạ và chỉ một chút, một bên giản dị nâu sồng với thổ sản miền quê, bánh trái truyền thống có tự ngàn đời, và xếp đầy cả thùng. Bởi thế không có gì ngạc nhiên khi mấy đứa tôi thấy ngay bà nội mới là người

bà lý tưởng, người bà của huyền sử bao đời.

Thầy tôi rất thích ăn đậu với tương, chấm mọi đồ ăn với tương và ngay từ thời kỳ trước khi hòa giải với bà, tôi nhớ nhiều lần trong bữa cơm ông thun thở là tương làng Bằng, tương vùng bà mới thật là ngon. Tất cả tương nơi khác đều không sao bằng. Mẹ tôi thường im lặng không nói gì — mẹ tôi thật khôn, dù có đi khắp chợ Đồng-xuân, đi khắp nước, mẹ tôi chẳng tìm đâu ra thứ tương có hương vị quá khứ, hương vị mẹ con quyến luyến cho người chồng hải lòng. Sự trở về quê mang theo đầy đủ vợ con — mẹ tôi hồi trẻ rất đẹp thuộc gia đình cao hơn thầy tôi — để đưa đám người chồng thứ hai của bà tôi, đã gây ra xô xao cho vùng quê ấy. Khi các dân làng, họ hàng chú mục nhìn và bàn về mẹ tôi, mẹ cảm nghĩ sao không biết nhưng chắc chắn có làm một việc : lập một hệ thống tương cho chồng. Tương ngon không dễ lâu được nên kể từ khi anh Lam tôi đủ lớn để đi xe đạp xa, cứ mỗi tháng một lần Lam được cử về quê nội để lấy tương lên. Lam ra đi từ sáng sớm, thường là tôi

chưa thức giấc kịp để dặn dò về khoản quà bánh. Nhưng điều đó cũng không sao: buổi xế trưa anh đạp xe về, nếu bên trái tay lái là một hũ tương thì phía tay phải là một rổ tre có quai đựng quà. Và chắc bà thấy anh tôi bé, gửi theo được ít quà nên vẫn đều đều có các đứa cháu họ xa gánh hai thùng quà đi bộ rất nhiều cây số ra cho.

Sau mỗi chuyến đi lấy tương lấy quà về, anh tôi đều có một buổi tương thuật những gì đã xảy ra trong ngày: đi qua những làng nào, sông nào thì gần nhất, chỗ nào phải vác xe đi qua cầu tre, chỗ nào có nhiều chổ dũ phải đạp hết tốc lực chạy chối chết mà vẫn giữ được hũ tương không vỡ. Anh tôi đã trở thành người hùng của mấy đứa em rồi. Và dĩ nhiên là ước vọng thứ nhất của tôi là được cử đi lấy tương thay thế. Điều căn bản là phải biết đi xe đạp và đi giỏi. Lam lấy xe ra dạy cho tôi ở những nơi xa nhà, khuất mắt mẹ tôi. Cần thận thế là phải bởi vì chương trình huấn luyện cũng nhiều cam go. Một lần hai đứa, anh tôi cầm lái tôi ngồi yên và đạp quẹo vòng trượt bánh, xe lao xuống phía hồ nằm tít dưới sườn dốc. Lam đã

nhanh trí chọn một ngôi cỏ mộ húc vào, xe nảy tung Lam rơi lăn lóc một đặng tôi một nẻo nhưng không đưa nào rơi xuống hồ. Việc rớt xuống hồ với cả xe chỉ xảy ra sau này, khi tôi lập đi một mình và bơi đã khá — một điều kiện tiên quyết khác để mẹ tôi chấp thuận cho tôi được lên đường đi lấy tương bởi vì lộ trình phải đi qua nhiều đường hẹp ven bờ nhiều ao hồ.

Một buổi sáng chủ nhật, thầy mẹ tôi quyết định đưa mấy đứa tôi về thăm bà theo một lộ trình mà bao nhiêu năm về trước, thầy tôi đã dùng để bỏ nhà ra đi. Dàng tàu điện đi cho tới khi hết đường sắt, thuê xe kéo đi trên đầu quốc lộ 1 tới quán Gánh, nghỉ uống nước trà tươi và ăn bánh giầy có nhân cà cuống ngoài có đồ vàng bao phủ nổi danh của nơi này, đi bộ dọc theo đường tới một cột cây số đề Saigon..., chẳng biết là bao ngàn cây số. Nơi đó là Cầu Tiên — cái tên làm tôi tưởng tượng mơ mộng rất nhiều, dễ rồi thất vọng vì chỗ đó không hề có một cái cầu nào. Bẵng qua đường xe lửa vùng quê theo một con đường làng lát gạch đỏ, nhiều khúc hai bên toàn hồ nước. Qua một

làng thật xinh, ra cánh đồng. Thấy tôi đã ngo ngẩn một lúc, dẫn chúng tôi đi loanh quanh ngoài cánh đồng rồi mới tìm ra con đường đất nhỏ dẫn vào một con đường quê lớn hơn. Tôi mê say quãng này nhất : hai bên có cây cao mát rượi, và sau một hàng cây là con sông nhỏ sâu tím phía dưới. Gốc cây nào cũng có khoảng cỏ êm như mồi mọc tôi nằm lẫn ra đấy. Quãng đường này không dài nhưng đi lâu nhất bởi vì thoảng một cái thầy mẹ tôi dừng lại để kiểm bọc tôi chạy lung tung trong lùm cây có những chùm hoa đỏ tía, trông thật đẹp nhưng ngắt rất khó và mùi rất hôi. Khi về tới làng, bà tôi ở ngoài chợ chưa về. Cả gia đình kéo qua chiếc cầu gỗ sang chợ quê nằm dưới nhiều gốc cây cổ thụ. Đến lúc ấy tôi mới biết bà tôi làm đậu phụ mang bán nơi chợ nhỏ yên tĩnh này.

Những đứa cháu ăn mặc quần áo xanh đỏ đi giày, đứa con trai mặc veston đứng mốt, cà-vạt, mũ can không thiếu phụ tùng nào, cô con dâu áo dài quần trắng vấn tóc trần... bao quanh bà già nhà quê thuần túy ngồi sau gánh đậu phụ, cả một đêm ngày khó nhọc không kiếm được một số tiền lãi

bằng số tiền quả của mấy đứa cháu trong một buổi. Hồi ấy tôi không hiểu tại sao bà khóc khi giới thiệu con cháu với cả chợ và thầy tôi cần nhẫn khi bà không chịu dọn hàng về ngay dù đậu chưa bán hết. Bà chỉ đem đổi hết, chắc là đổi thật rẻ, cho các bạn hàng lấy quả bánh, cá, tait để chuẩn bị một bữa cơm trưa cho con cháu. Trong căn bếp vách đất các bếp rơm cháy bùng tỏa đầy khói xanh, bà tôi xụi xụi cầu cứu mẹ tôi vì thấy tôi nhất định xin bà thôi đừng làm nghề đậu vớt vĩa nữa — thầy tôi sẵn sàng hàng tháng gởi về cho bà một số tiền gấp mười lần tiền lời của nghề bán đậu, hoặc là mời bà ra ở với các cháu hưởng tuổi già. Bà tôi không chịu nhận giải pháp nào cả, ra thành phố với con cháu cũng không và bỏ nghề cũng không nốt. Bà kể lể dài giòng và tôi chỉ nhớ có mỗi một ý chính vì được nhắc đi nhắc lại nhiều lần : cứ để bà làm đậu giành dụm tiền vì thế nào cũng có năm trời làm đôi kém, thầy tôi sẽ có lúc không nuôi được các cháu đủ no. Đây không phải là một lý luận nữa mà là một ám ảnh của những dân người quê miền châu thổ Hồng hà : sợ

đôi. Nỗi sợ này mạnh đến nỗi bà tôi cứ kháng kháng bám lấy nghề làm đậu và trồng tía mẩy thừa vườn trái vải, để dành từng chút tiền để phòng cho cháu... có gạo ăn, mặc dù bà biết rõ thầy tôi nghề nhiều lợi tức và mẹ tôi đã được bà ngoại hứa cho cả một căn trại và nhiều mẫu ruộng.

Không những thầy tôi chịu thua bà, bà vẫn giữ nghề khó nhọc cũ, mà còn lắm lúc tức điên lên. Gửi biếu bà cái gì bà cũng để dành hết. Gửi vải về, hai năm sau bà còn cất nguyên trong tủ. Gửi thực phẩm về bà xấy bà phơi đi. Một hộp bánh bích qui gửi về cúng Tết, sang tháng ba tôi về chơi còn được bà mang ra cho ăn. Và khi nạn đói dữ dội 1945 xảy ra, bà cứ ít hôm lại cho người mang ra hoặc gạo hoặc khoai — mặc dù anh Lam đã được cử về để nói với bà là bà có thiếu ăn thì thầy mẹ tôi tiếp tế.

Thầy tôi làm báo nên biết khá rõ tình hình thời đó. Ông quyết định cho mẹ tôi mang hết con cái về ở với bà từ mấy tháng trước khi Kháng Chiến bùng nổ — quê ngoại, quê mẹ tôi nằm ngay sát thiết lộ Hà-nội Hải. phòng quá nguy hiểm. Đối với chúng tôi quá

là một kỳ nghỉ hè đầy hào hứng. Những con đường làng lát gạch đỏ mát rượi, cánh đồng lúa đầy cào cào châu chấu và điều sáo vi vu những con đường đất mịn không cần phải đi giày, chiếc áo bèo xanh mướt, chuồng lợn bao giờ cũng có mấy con ủn ỉn. Có một lần, mẹ tôi đã phải tức tốc đi cùng tôi về thăm bà chỉ vì một nạn dịch làm chết mấy con lợn bà nuôi. Mặc dù mẹ tôi an ủi, mặc dù lời hứa trình trọng của thầy tôi là sẽ mua tặng bà mấy con lợn giống khác, bà vẫn ngồi khóc cạnh chuồng lợn như thường—bà tiếc vốn bỏ ra, bà thương những con lợn chăm chút ngày đêm.

Có gia đình tôi về ở, ngân sách chi tiêu hàng ngày dĩ nhiên là mẹ tôi lo. Và mỗi ngày đều có cảnh suýt soa tiếc tiền khi mẹ tôi xách giỏ đi chợ. Mẹ tôi vật vả lắm mới cố thuyết phục bà đừng có tích trữ những món ăn thừa quá lâu, đến gần như chịu thối, Bà nhúng đũa gắp vài miếng thức ăn ngon, suýt soa than thở : Mẹ mày cho chúng mày ăn như thế thì đói đến nơi rồi, các cháu ơi.. Bà kêu ca quá đến nỗi sau cùng mẹ tôi đành tổ chức ngày ăn hai bữa thôi như miền quê, bữa

ăn sáng chín giờ, bữa chiều ăn năm giờ. Nhưng buổi trưa thường là chúng tôi đi meo nên hoặc chạy ra chợ ăn quả, hoặc mẹ tôi luộc khoai hay ngô ; rút cục vẫn là ngày ba bữa cơm nhưng đầy trức trặc với những lời kêu đói của bọn tôi. Khi thầy cũng tản cư về mọi sự được điều chỉnh lại, ăn ngày ba bữa với giờ giấc thường lệ của thành phố, và hậu quả đương nhiên là bà tôi lại lên tiếng kêu ca thầy mẹ tôi tiêu tốn, chết đói đến nơi.

Đĩ nhiên bà tôi vẫn làm dâu và làm chăm hơn xưa : dân thành phố tản cư về ở đầy vùng tiêu thụ rất nhiều thực phẩm và chợ quê nhỏ êm đềm đã biến thành một chợ ồn ào, phát triển gấp mười lúc thường với đủ loại hàng hóa, nhất là hàng quả. Ngày phiên chợ, chẳng nhớ bao lâu một lần, hóa thành một ngày hội của cả vùng. Từ người dân địa phương cho tới những người tản cư, không ai không đi ra chợ ít nhất một lần trong ngày. Đàn ông kiểm gấp bạn bè kéo nhau đi uống chè tươi, uống rượu với bè thui hay lòng lợn tiết canh bàn truyện kháng chiến, tình hình chính trị, rủ rờ kết đoàn đi thăm các làng xa nghiên cứu địa điểm tản cư tương lai một khi quân

Pháp tiến đến vùng này. Đàn bà còn ồn ào hơn, mua bán, gặp bạn bè, và dĩ nhiên là có khoản tụ họp quanh hàng bún riêu bốc khói cay xè. Trẻ con áo xanh áo đỏ túi đầy kẹo vừng kẹo bột chạy tứ tung, la hét cười đùa. Vào những tháng mở đầu của Kháng chiến, ai cũng còn tiền dự trữ và đều tin tưởng chiến tranh sẽ chấm dứt trong không bao lâu.

Bà tôi thức dậy lúc năm giờ sáng, số đậu sản xuất bán hết lúc tám giờ. Bà thức dậy làm hàng sớm hơn một tiếng nữa, hàng bán hết lúc chín giờ. Ham quá bà thức sớm hơn nữa, lúc ba giờ đêm và dù có người thêm phụ, thầy tôi cũng nhận thấy đã đến lúc phải can thiệp—nếu không, bà dám làm dâu từ nửa đêm hôm trước. Trời vào giữa mùa đông rét công, nhà tranh vách đất không ngăn được khí lạnh nên bọn tôi chui vào ổ rơm đắp chăn là ngủ rất say. Sáng sớm gà gáy khan cổ, mặt trời lên rồi mới thức giấc, mắt nhắm mắt mở đã có chén sữa đậu nành nóng hổi và bà tôi đã theo người phụ gánh hàng ra chợ từ lâu. Ăn sáng xong, Lam và tôi cầm mỗi người một cái gậy tre dẻo gọt cong phư,

đi chơi lang thang khắp vùng, mỗi hôm thám hiểm một phía — nghĩa là ra khỏi làng, đi đại vào một con đường đất nào đó và cứ thế mà đi cho khi nào thấy đói bụng thì về... chợ. Bà tôi bao giờ cũng sẵn sàng lật cái mẹt che thúng lên, ở dưới đương nhiên là có sẵn quà bánh mà hai đứa em gái tôi, ít đi xa, đã thanh toán ít nhất là một nửa rồi. Bà thường hãnh diện khi thấy các cháu bà ăn quà do bà mua cho và nói với bạn hàng chung quanh: Tôi lãi bao nhiêu là mua cho các cháu hết... Trong đời, chắc chưa bao giờ bà lo và vui đến thế. Lo vì thấy «chúng ăn nhiều quá sợ có lúc...đói không có gì mà ăn? Và vui thì thật dễ hiểu: con cháu về đầy đủ bù lại cho biết bao năm thầy tôi phiêu bạt để bà thui thủi một mình.

Trong mấy anh em, tôi là đứa bản chất tò mò nhất. Dĩ nhiên là tôi hết sức muốn biết xem bà chế tạo đậu ra làm sao. Năn nỉ mãi mẹ tôi, mẹ tôi mới chịu hứa thức tôi dậy lúc ba giờ sáng để xem bà làm đậu và cũng phải đến đêm thứ ba, tôi mới tập trung đủ nghị lực chui ra khỏi ổ rơm ra «xưởng chế tạo» của bà tôi đặt ở chái nhà sát ngay cổng

vào. Tôi ngồi thu lu cùng Lam — không hiểu sao Lam cũng thức dậy theo được — cạnh lò đập bằng đất, chăm chú theo dõi công việc làm đậu. Thích thú nhất khi bà tôi đã gói đủ gói bằng vải đựng chất liệu cho vào khuôn gỗ, nén từ từ, nước ào ra thơm phức. Bà tháo khuôn, mở các vải bọc, bây giờ đã thành hình chữ nhật: những miếng đậu nóng cần vào muống rụng răng luôn. Lam coi đến đây là lại chui vào ổ rơm ngủ tiếp, tôi ngồi cạnh bà, hồi han lung tung, bàn tán cùng người phụ việc cho đến khi trời sáng, mang ấm nước sôi vào pha ấm trà sớm cho cả nhà uống, trong lòng hân hoan và khoan khoái như đã làm được điều gì phi thường.

Tiết trời mỗi ngày một lạnh thêm. Tôi và Lam thôi không làm những chuyến đi chơi xa nữa: các khu vườn vải chạy dài hai bên đã bắt đầu rụng lá, những chiếc lá vàng úa rơi lá tả phủ dần cỏ úa, đất khô trắng. Hai anh em thích xỏ dép treo vào đầu gậy để đi chân không chạy lên lớp lá khô mát lạnh, tan vỡ dập nát êm ái dưới da lòng bàn chân. Khi mỗi mẹt, hai đứa ngồi xuống bờ đất hay nằm dài luôn trên lá, miệng ngậm một cọng

cổ dài. Lam đã bắt đầu vào tuổi dậy thì, nói với tôi về một vài người đàn bà đẹp đã gặp trong vùng, còn tôi nằm nghe, trong lòng xốn xang một thao thức mơ hồ. Trên đường về nhà xuyên qua những vườn cây, con đường nhỏ và cao, có hai người con gái mặc quần áo toàn màu trắng xấp xỉ tuổi hai đứa tôi đi ngược chiều trở lại. Trời nắng ấm, gió làm lá cũng như hai mái tóc dài bay tung. Hai anh em say mê ngắm, không gian không có bóng nào khác ngoài bốn người trai gái ở tuổi đầu tiên vào đời đang tiến mỗi lúc lại gần nhau. Đường quá nhỏ, người con gái lớn nắm tay em nhảy xuống ruộng cỏ bên lề tránh lối. Lam và tôi đi qua rồi dừng lại. Lam nhìn tôi cười và tôi cười lại: lần đầu tiên trên đời tôi ý thức được thế nào là một người nữ và sự khả dĩ yêu đương giữa trai và gái trên thế gian. Sự kiện hai người con gái phải tránh đường, dút dạt e sợ vô cơ như thế, trong một không gian của vùng đất lá mùa đông nắng ấm, cũng làm tôi cảm thấy bản chất của mình, bản chất của người nam trong cuộc đời đang mở rộng dưới từng bước chân đi.

Chưa hết tháng thứ hai của mùa đông, chiến tranh lan rộng, gia đình tôi di cư đến một làng xa hơn đã dự tính từ trước. Bà tôi không chịu đi theo. Bà tiễn con cháu ra tận đầu làng, đưa vại áo nâu bạc trắng lên lau nước mắt. Gió buổi sáng mùa đông thật lạnh.

Trở về thành, xuống Hải-phòng cư ngụ vài năm, gia đình tôi mới trở lại Hà-nội. Nhận được tin báo bà tôi đã về làng từ lâu và vẫn khỏe mạnh, tôi lên đường và thăm một mình. Đường xá còn quá bất trắc, mẹ tôi cùng các em gái chưa thể đi được, và ngay tôi cũng phải vất vả lắm, đôi khi không biết bao nhiêu lộ trình, mò mẫm trong vùng lá rụng nhiều mới kiếm được một con đường quen thuộc dẫn về làng. Con đường này dẫn thẳng về ngay chợ. Tôi dừng xe ven bờ đất cao nhìn xuống khu chợ ngày xưa: tôi ngỡ ngàng khi thấy không có gì thay đổi, hiah như chiến tranh và thời gian đã không hề ghé qua nơi chốn này. Và bà tôi vẫn ngồi chỗ cũ của bao năm, sau gánh đậu, nhưng mái tóc đã hoàn toàn trắng như cước và lưng đã cong.

Bà đã già hơn xưa, yếu đi rất nhiều, ngại đi chuyển xa nên tôi cùng hai em gái lớn thay

phiên nhau về luôn cùng mẹ tôi. Tôi thường chỉ ở lại một buổi sáng, đợi bà bán xong hàng, bảy giờ vùng quê trở lại bình thường, hàng làm rất ít mà bán đến trưa mới hết. Theo bà trở về nhà, hai bà cháu ngồi trong bếp. Người bà già thổi cơm làm món ăn cho cháu ăn, tôi vợ vẫn nhìn quanh quẩn, tay dứt mớ rơm vào bếp. Hầu như bữa ăn trưa cô quạnh nào bà cũng xụi xụi khóc. Biết những chuyện vui của gia đình tôi bà cũng khóc rồi và vẫn cứ lo cho mấy đứa cháu bị đói, Âm ảnh này lên đến mức một lần đang ngồi ngoài chợ với bà, bà cả quyết là thầy tôi kiếm bao nhiêu tiêu hết để chúng tôi thiếu ăn, chừng cơ là tôi hay về đây... Khi tôi hết ngạc nhiên để kể lại rằng những chuyến thăm viếng của các cháu chỉ vì nhớ bà nhớ quê mà về, bà òa lên khóc và phân bua với tất cả chợ. Bà kể lể với nhiều người là : các cháu thương tôi nó về, không phải vì đói kém gì đâu... Hôm đó tôi cũng ngượng ngùng nên về nhà bà trong làng rất sớm chứ không đợi bà bán hết hàng. Ngồi trong nhà khá lâu, quen bóng tối, tôi mới nhận ra một cỗ quan tài đã được mua về để sẵn gian bên. Những ảnh chụp chúng tôi hồi

lúc bé tôi giờ gửi về, bà lồng kính treo la liệt trên cột gỗ. Nghĩ tới cái chết sắp đến của bà, tôi không thấy buồn cho lắm. Trong lòng chỉ thấy một thứ điu hiu, như tiếng sáo diều, như nhìn một lá khô dần sắp rụng trên cỏ úa.

Nhưng bà tôi sống rất lâu, các đứa em gái lớn của tôi có dịp về thăm bà và cỗ quan tài để sẵn đáng ghê ấy, ở lại sống với bà nhiều tuần trong căn nhà tranh vách đất ba gian hai chái trước một ao bèo xanh um. Tôi đã biết bao lần được nhìn thấy khói xanh chờn vờn tỏa êm lảng từ mái bếp lên, tan chậm chạy trong không gian im vắng có tiếng vông dừa và ru êm từ một căn nhà nào thôn dưới, mới tới vụ chia đôi đất nước. Và đương nhiên là bà tôi không chịu theo gia đình con cháu vào Nam. Tin tới tin lui, bà vẫn không chịu ra Hà-nội. Tôi, đứa cháu thương bà nhất, lại lấy cái xe đạp ra lên đường về quê với nhiệm vụ là thuyết phục bà ra đi cùng chúng tôi. Một nhiệm vụ thất bại biết trước. Tôi biết bà sẽ không đi nhưng tôi không thể không về nói một lần chót. Và lời cuối cùng tôi còn nhớ trong buổi bà cháu

gặp nhau ấy, vẫn là liên quan tới vấn đề đôi... «Trong Nam-kỳ gạo lúa nhiều cơ man các cháu khỏi lo đôi là bà yên dạ rồi. Bà chẳng còn sống bao năm, bà ở lại cho gần ông bà họ hàng».

Sau một thời gian sống ở Saigon, tôi thấy nhớ Hà-nội vô cùng. Quê hương là đó và người yêu tôi ngoài đó. Saigon xa lạ, Saigon ồn ào, tôi đánh bạc, tôi truy hoan, tôi đi thăm miền tây miền đông và tôi vẫn nhớ Hà-nội biết bao. Thành phố mà tôi đã lớn lên đã yêu lần đầu... tôi quyết định trở lại Hà-nội. Vào thời kỳ này, chính quyền ngoài Bắc chưa tiếp thu Hải-phòng, tôi còn ra được. Dĩ nhiên là đi dấu gia đình — chỉ có một người bạn thân duy nhất được thông báo quyết định của tôi để đến Tết năm nay, đến chiều ba mươi rồi không thấy tôi về, sẽ báo sự thực cho mẹ tôi biết. Khi máy bay cất cánh đưa tôi trở về miền quê hương phía bắc, tôi tự nhủ sẽ thuyết phục trước hết là gia đình người yêu của tôi, rồi bà nội tôi hãy theo tôi vào Nam. — trong ý thức khá rõ là rồi tôi sẽ thất bại trong cả hai.

Lúc đó đang vào mùa đông, gió thổi thật

lạnh công khi tôi vác các cơ phận tháo rời của chiếc xe đạp xuống sân bay Hải-phòng. Tôi không mất bao nhiêu thì giờ kể từ khi ngồi ráp chiếc xe đạp lại cho tới khi đặt chân xuống ga Hà-nội. Khi tàu chạy qua cầu Long-biên, tiếng cơ khí vang âm, tôi đã ngần ngợ nhìn xuống giòng sông đỏ bãi cát trắng chạy dài mà buồn : tôi biết rằng rút cục thế nào tôi cũng phải rời bỏ nơi này. Quê tôi đây nhưng quê hương sẽ không còn là quê cũ nữa. Một xã hội mới, một nếp sinh hoạt mới đang thành hình, trong đó không có chỗ cho những người như tôi.

Trời thật lạnh. Khi rời miền Nam, tôi đã quên mất mùa đông nên không mang áo ấm theo. Người bạn thân tôi trú ngụ cho mượn một cái áo lính trần rộng thùng thình, và đêm xuống, tôi đạp xe qua các con đường quen thuộc tới nhà người con gái tôi yêu thương từ những ngày rất nhỏ khi hai đứa cùng sống trong căn làng hai bên nước phủ. Nàng ngạc nhiên, nàng cười, đôi mắt sáng nhỏ cong lên mê hoặc. Tôi bồi hồi và dút dất cầm tay nàng. Nàng mười bảy tuổi, nổi tiếng như một hoa khôi, thường hay hát trong

những buổi kịch nhạc và quen thuộc với những đàn ông theo đuổi. Tôi hơn nàng có hai tuổi, vung về mọi mặt và chỉ thắng những bạn trai khác của nàng ở một điểm: tôi là người tình từ thuở ấu thơ của nàng. Tôi mất cả buổi tối hôm đó để thuyết phục một cách vô vọng ba nàng di cư vào Nam. Chế độ mới đang tìm đủ cách để giữ dân ở lại, nhất là dân Hà-nội. Thành phố cứ như mở hội hoa đăng... Hậu quả là những ba mẹ nàng không hề tin những tiên đoán bi thảm của tôi về số phận những người trí thức và tiểu tư sản ở lại, hai người còn thuyết phục tôi ở lại. Gia đình bên nàng và gia đình bên tôi đã quá quen thuộc với ý tưởng hai đứa sẽ chắc chắn lấy nhau làm vợ chồng, đến nỗi sự kiện tôi trở về đây một mình không hề là một trở ngại. Nàng của tôi đã được mẹ bảo xuống thu dọn cho tôi một căn phòng riêng từng dưới. Tôi không dám quay lại nhìn nàng bởi vì tôi biết nhìn vào đôi mắt ấy một lần nữa, tất cả các quyết định đã có của tôi sẽ tan tành thình thịch, theo gió đang thổi vèo ngoài kia.

Tôi xuất trình thẻ học sinh cũ và được

phép đi học lại — tôi tò mò muốn biết chương trình giáo dục mới ra sao, Và vì thế tôi là một học sinh duy nhất của cả hai trường trung học Chu văn An ở hai miền sắp cách nhau bằng một bức màn tre rủ xuống ven một con sông và một cuộc chiến khốc liệt nhất trong lịch sử. Tôi vừa nghe giáo sư Sử Địa mặt áo trắng thắt cà vạt giảng về Trận Đống Đa dưới mái trường Chu văn An Saigon, và bây giờ tôi được nghe một cán bộ giáo dục mặc áo xanh bốn túi đi dép Bình trị thiên giảng dạy về cũng đề tài ấy. Mà sự khác biệt thật xa biết bao: chân dung Nguyễn Huệ miền Nam không giống chân dung Nguyễn Huệ của miền Bắc và trận Đống Đa được cắt nghĩa với những luận cứ dị biệt hẳn. Nhưng tôi ngồi trên ghế dài của trường cũ, tôi biết rằng chỉ có một Nguyễn Huệ và người hùng này là người Việt Nam.

Nhưng tôi học thì ít, đi chơi thì nhiều cùng các bạn bè. Họ cũng như tôi đều biết rằng thẻ nào tôi cũng ra đi, và mọi chuyến đi thăm mọi thắng cảnh của tôi đều chỉ là những chuyến đi lưu niệm. Chùa Thầy, chùa Trầm...và cả đến chùa Hương nữa vào mùa

hoa mơ đang nở ngập các thung lũng nhỏ và các sườn núi. Mấy người bạn đi cùng đều có người vào Nam đã lâu, ngược với tôi nên lãng mạn tính nổi lên, hết sức chăm chú cảnh mơ tôi ngắt trộm mang về cho nàng của tôi. Mặc dù những cố gắng vượt bực, những bông hoa mơ của núi xa không chịu được hơn bảy mươi cây số di chuyển bằng xe đạp, đã rụng dần từng cánh từng bông trên con đường trải đá. Đêm đến, khi nắng hoi hoa đã hứa đâu và khi tôi cho biết chỉ còn cảnh không vút bỏ ngoài cửa ô Hà-nội rồi, nàng đã trách: Sao không mang cảnh không về cho em!

Sao không mang cảnh không về? Tình yêu của tôi đó, những cảnh mơ khăng khieu trụi hoa. Nàng có lý hơn tôi. Đáng lẽ tôi phải mang cảnh không về thôi bởi vì khi nàng nhìn vào như một người nữ đang yêu, sẽ có hoa nở đầy trên đó. Nhưng tôi đã sợ hãi đã e dè trước cảnh trơ trụi, như tôi đã ngần ngại chưa về thăm bà. Tôi có nói về làng Bằng rất nhiều với nàng, vùng quê vào thời tiết này trong năm lá rụng đầy trên đất các khu vườn vải.

Nhưng mùa đông đang qua gần hết, hạn

kỳ tôi dự trù bra lại miền Bắc sắp tàn, tôi phải về quê tôi với bà. Chưa bao giờ tôi đi xa chuyển nào lại nhàn nhá đến thế, tôi dừng ở bất cứ quán nước ven đường nào cảnh trí đẹp, bất cứ bờ cỏ nào còn xanh có hoa đỏ chói trong bụi. Nhưng rồi tôi cũng về tới vùng đất lá. Các vũng trồng cỏ xanh hoa vàng đã nở đầy, bướm trắng bay từng đàn khinh khoái trong nắng mùa đông. Tôi ven làng, tôi đứng lại trên một bờ đất ngăn đôi một bên là các ruộng cải cao gần ngang đầu đầy bướm vàng và hoa trắng, bên kia là những thửa vườn lá đang rụng từng đợt theo. Tôi buông tay cho xe đạp đổ kênh, nằm luôn xuống cỏ, nhìn trời nhiều mây, nhìn hoa vàng và bướm trắng rung rinh, thiếp đi trên lá khô.

Thần thơ trong căn nhà tranh của bà, tôi đi thăm từng góc cạnh. Gốc cây nhãn trước bờ ao còn nguyên vết khắc chữ đầu tên tôi, thêm đất trước hè còn hẳn vòng tròn chơi bi của tôi và Lam trong năm đầu của cuộc kháng chiến dài biết bao và mới vừa chấm dứt. Tôi ngã người trên vũng đàn lẵng các sợi gai thô, ánh sáng xanh vì bị lọc qua các tàu lá

chuối mọc sát hè. Quả thật tôi đã có lý không chịu cho nàng đi theo. Chắc chắn tôi sẽ hôn nàng trong đám cải xanh hoa vàng đầy bướm lượn, trên lớp lá vàng khô. Và trong căn nhà cũ kỹ mục nát này, tôi chắc sẽ dám làm điều tôi không bao giờ nghĩ tới khi ở ngoài thành phố : tôi sẽ đòi và đòi được dễ dàng thân thể nàng cho riêng tôi và cho mãi mãi.

Như thế không được, tôi thì thảo với tôi. Tôi muốn trở về Nam. Miền xa mưa nắng hai mùa ấy không phải là quê hương tôi, nhưng nơi đây, quê hương đích thực của tôi đang biến đổi... Tiếng khàn yếu của bà tôi đã vang lên xen lẫn với tiếng thanh của một đứa cháu gái họ xa. Bà sắp trông thấy tôi, bà sắp khóc vì mừng, bà sẽ hỏi về miền Nam thừa lúa gạo để nuôi các cháu của bà đủ no ấy, nhưng rồi sẽ không theo tôi ra đi. Mái tóc bạc trắng như tuyết của bà đã hiện ra sau hàng rào giăng sát nhà và tôi biết rằng chiều nay tôi sẽ băng qua vùng đất lá một mình. Trong những tháng năm xa ở miền Nam sẽ có ngày nhiều gió và không nắng, tôi ngần nhìn trời nhìn mây nhớ đến bà, muốn thả một vài nén hương tưởng niệm mà không

được. Thân xác bà đã trở về với đất, và những lá cây trong vườn vải của riêng bà sẽ rung lên trên mộ vào một ngày nào trong năm. Ngày nào trong năm ? Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được nữa.



Mục Lục

từ vùng đồi cỏ	7
căn nhà của Mẹ	21
vùng đất lá	39

ĐÓN ĐỌC:

Bảy ngày
trong Đồng Tháp Mười

của NGUYỄN HIẾN LÊ
TRÍ ĐĂNG *xuất bản*

Đón đọc :

Trận Điện Biên Phủ
la bataille de Dienbienphu

Nguyên tác : JULES ROY
Bản dịch : THẾ UYÊN

CĂN NHÀ CỦA MẸ CỦA THẾ UYÊN,
TRÍ ĐĂNG XUẤT BẢN. BÌA DO
NGHIÊU ĐỀ TRÌNH BÀY. GIẤY
PHÉP SỐ 3663/BTT/PHNT CẤP NGÀY
31 THÁNG 8 NĂM 1970. IN TẠI
NHÀ IN RIÊNG CỦA NHÀ XUẤT
BẢN. [NGOÀI 3000 BẢN THƯỜNG
CÒN IN THÊM 30 BẢN ĐẶC
BIỆT DÀNH CHO TÁC GIẢ.
NHÀ XUẤT BẢN VÀ THÂN HỮU.

Giá: 80 đồng